

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Thủy lợi; Chuyên ngành: Kỹ thuật tài nguyên nước

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Tùng Phong

2. Ngày tháng năm sinh: 29/07/1967; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Ngọc Mỹ, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số 38/125
Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Phòng 2104 Park 1, Khu đô thị Times City, 458
Minh Khai, Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0912278959;

E-mail: phongicd@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 1990 đến năm 1999: Nghiên cứu viên tại Trung tâm Thủy điện - Viện Khoa học Thủy lợi

Từ năm 1999 đến năm 2002: Phó Trưởng phòng tại Phòng Hợp tác quốc tế - Viện Khoa học Thủy lợi

Từ năm 2002 đến năm 2008: Trưởng phòng tại Phòng Hợp tác quốc tế - Viện Khoa học Thủy lợi

Từ năm 2008 đến năm 2012: Giám đốc TT tại Trung tâm Đào tạo và Hợp tác quốc tế - Viện Khoa học Thủy lợi
Việt Nam

Từ năm 2012 đến năm 2013: Phó Giám đốc Viện kiêm Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Hợp tác quốc tế tại
Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

Từ năm 2013 đến năm 2016: Phó Giám đốc tại Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

Từ năm 2016 đến năm 2018: Phó Giám đốc Viện kiêm Viện trưởng Viện Nước, tưới tiêu và Môi trường tại

Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

Từ năm 2018 đến năm 2019: Phó Giám đốc Viện kiêm Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Hợp tác quốc tế tại Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

Chức vụ: Hiện nay: Phó Giám đốc Viện; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Giám đốc Viện

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: 171 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02438522086

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam; Trường Đại học Thủy lợi; Trường Đại học Khoa học Ứng dụng Cologne, CHLB Đức

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam; Trường Đại học Khoa học Ứng dụng Cologne, CHLB Đức

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 01 tháng 06 năm 1990, ngành: Máy xây dựng Thủy lợi, chuyên ngành: Kỹ thuật máy và thiết bị thủy khí

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Thủy lợi, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 03 tháng 07 năm 2000, ngành: Kỹ thuật máy và thiết bị, chuyên ngành: Kỹ thuật máy và thiết bị thủy khí

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 25 tháng 08 năm 2005, ngành: Kỹ thuật máy và thiết bị, chuyên ngành: Kỹ thuật máy và thiết bị thủy khí

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Bộ Giáo dục và Đào tạo, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 09 tháng 04 năm 2012, ngành: Thủy lợi

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Thủy lợi

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(1) Nghiên cứu thiết bị tua bin thủy điện nhỏ, thiết bị bơm nước tự động (bơm thủy luân, bơm va) và tự động hóa giám sát vận hành hệ thống thủy lợi.

(2) Nghiên cứu hiện đại hóa hệ thống thủy lợi.

(3) Nghiên cứu tích hợp các mô hình dự báo và công nghệ hỗ trợ ra quyết định trong quản lý lưu vực sông và quản lý rủi ro thiên tai (giám sát, dự báo hạn hán, xâm nhập mặn, lũ quét và sạt lở đất)

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) ... HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành 3 đề tài NCKH cấp Nhà nước; 9 đề tài NCKH cấp Bộ; 1 đề tài NCKH cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 51 bài báo KH, trong đó 6 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 1 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 6, trong đó 6 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Huân chương lao động hạng Nhì	Chủ tịch nước	2016
2	Huân chương lao động hạng Ba	Chủ tịch nước	2011
3	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ Nông nghiệp & PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2010

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

Căn cứ theo tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo, tôi xin tự đánh giá bản thân như sau :

- Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức tốt, sống trung thực, chan hòa với mọi người. Chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như nội quy, quy chế của cơ quan, luôn gương mẫu trong công tác và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.
- Về công tác đào tạo: Đã tham gia giảng dạy 5 môn học thuộc chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ và Thạc sĩ (**bằng tiếng Anh**). Hoàn thành đủ và vượt khối lượng giảng dạy theo yêu cầu của các năm học.

Hoàn thành nhiệm vụ hướng dẫn NCS các năm học theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm 2018 và 2019, đã hướng dẫn thành công 03 Tiến sĩ tại Hội đồng đào tạo của Viện. Hiện đang là hướng dẫn thứ nhất cho 01 NCS. Hoàn thành nhiệm vụ hướng dẫn luận văn Thạc sĩ (bằng tiếng Anh) cho 20 học viên cao học thuộc Trường Đại học Khoa học Ứng dụng Cologne, Trường Đại học Bochum, CHLB Đức và 03 học viên cao học thuộc các Trường Đại học Thủy lợi, Đại học Bách khoa Hà Nội. Tham gia nhiều Hội đồng đánh giá đề cương, chấm chuyên đề, đánh giá luận án Tiến sĩ các cấp tại các cơ sở đào tạo.

Là Phó Giám đốc Viện, phụ trách công tác Đào tạo sau đại học, đồng thời là Trưởng tiểu ban Kỹ thuật Tài nguyên nước, tôi đã chủ trì xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, biên soạn một số môn học trong chương trình đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ, cập nhật những kiến thức mới vào các chương trình đào tạo chuyên ngành. Tôi luôn chú trọng công tác nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao, đặc biệt là cán bộ trẻ để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành và phục vụ chiến lược phát triển của Viện.

Tôi đã chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện 04 Chương trình liên kết đào tạo Thạc sĩ quốc tế giữa Viện và Trường Đại học khoa học Ứng dụng Cologne (TH Köln), Viện Quản lý công nghệ Nhiệt đới và cận nhiệt đới (ITT), CHLB Đức: (i) **Quản lý tài nguyên và công nghệ ở vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới (TERMA)** (ii) **Quản lý tổng hợp Tài nguyên Nước;** (iii) **Quản lý tài nguyên thiên nhiên (NRM);** (iv) **Quản lý rủi ro thiên tai** (đang xây dựng).

Đồng thời, đã tham gia biên soạn nhiều tài liệu đào tạo kỹ thuật và trực tiếp giảng dạy cho hơn 80 khóa đào tạo ngắn hạn với tổng số gần 1.500 lượt cán bộ địa phương, các tập huấn viên (TOT), kỹ sư, cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý của nhiều địa phương.

- Về đạo đức nhà giáo: Tâm huyết với công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, luôn chủ động và đóng góp trong công tác đào tạo chất lượng cao thông qua các chương trình liên kết đào tạo quốc tế; có ý thức giữ gìn danh dự, lương tâm nhà giáo; tận tâm với học viên, đồng nghiệp.
- Về nghiên cứu khoa học: đam mê nghiên cứu khoa học, có nhiều đóng góp cho khoa học thông qua các kết quả nghiên cứu được áp dụng vào thực tế, gắn kết đào tạo với nghiên cứu khoa học, và luôn giữ đúng các chuẩn mực đạo đức của nhà khoa học.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên *:

- Tổng số 14 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2012-2013	1		5			139	139/265/135
2	2013-2014	1	1	3			144	144/237/135

3	2014-2015	2	1	2			136	136/236/135
3 năm học cuối								
4	2017-2018	1	1				215	215/268/135
5	2018-2019	1	1	1			93	93/160/135
6	2019-2020	1					156	156/179/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học khoa học Ứng dụng Cologne (Cologne University of Applied Sciences - TH Köln), Viện Quản lý công nghệ Nhiệt đới và cận nhiệt đới (Institute for Technology and Resources Management in the Tropics and Subtropics - ITT), CHLB Đức

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Giảng dạy bằng tiếng Anh, có hợp đồng giảng dạy và xác nhận của trường Đại học Cologne, CHLB Đức

4. Hướng dẫn NCS, học viên CH, BSCK, BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng	Trách nhiệm hướng dẫn	Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

1	Hiện đại hóa quản lý hệ thống tưới	CK	NXB Nông nghiệp, năm 2011	1	MM		Số 922/VKHTLVN, ngày 29/6/2011
2	Các chuyên đề mẫu phục vụ đào tạo tiến sĩ tại Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam	TK	NXB Nông nghiệp và PTNT, năm 2010	7	VC	(Trang 58-79)	Số 19/GXN-VKHTLVN ngày 27/6/2019
Sau khi được công nhận chức danh PGS							
3	Hiện đại hóa vận hành hệ thống kênh tưới	CK	NXB Khoa học và Kỹ thuật, năm 2019	2	CB	(Trang 1-16; 19-34; 79-103)	Số 15/GXN-VKHTLVN ngày 27/ 6/2019
4	Quản lý hạn hán tổng hợp vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	CK	NXB Khoa học và Kỹ thuật, năm 2019	2	CB	(Trang 10-28; 38-52)	Số 16/GXN-VKHTLVN ngày 27/ 6/2019
5	Sổ tay Hiện đại hóa hệ thống tưới (tiếng Việt và tiếng Anh, WB hỗ trợ)	TK	NXB Khoa học và Kỹ thuật, năm 2014	6	CB	(Trang 15-29; 65-75; 81-84)	Số 17/GXN-VKHTLVN ngày 27/6/2019

6	Quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu (tiếng Việt và tiếng Anh, UNDP hỗ trợ)	HD	Bộ Nông nghiệp và PTNT và Chương trình phát triển Liên hợp Quốc, năm 2012	11	VC	(Trang 31-59; 171-187)	583/QĐ-TCTL-ĐĐ, ngày 13/7/2011
---	---	----	---	----	----	------------------------	--------------------------------

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 4

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi được công nhận chức danh PGS					
1	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống chỉ tiêu tổng hợp đánh giá nhanh hiện trạng (cơ sở hạ tầng, quản lý vận hành) và hiệu quả KT-XH công trình thủy lợi phục vụ nâng cấp, hiện đại hóa và đa dạng hóa mục tiêu sử dụng	CN	733/QĐ-VKHTL-KHTH, cấp Bộ	01/01/2003 đến 01/01/2005	29/11/2005/Khá

2	Xây dựng tiêu chuẩn Quốc gia: Công trình thủy lợi - Hệ thống kênh-Quy trình quản lý, sử dụng, bảo vệ	CN	TCVN, cấp Bộ	01/6/2009 đến 01/6/2010	28/12/2010
3	Đề tài nhánh thuộc đề tài cấp Nhà nước “Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và thử nghiệm Tuabin XK2L kiểu CINK thuộc đề tài cấp Nhà nước KC.07.04 “nghiên cứu, lựa chọn công nghệ và thiết bị để khai thác sử dụng các loại năng lượng tái tạo trong chế biến nông, lâm, thủy sản, sinh hoạt nông thôn và bảo vệ môi trường”	CN	KC.07.04, cấp Bộ	01/12/2001 đến 01/3/2003	14/3/2003 Khá
4	ĐT nhánh “nghiên cứu tình hình sử dụng thiết bị ĐL-ĐK-TĐH, xây dựng sơ đồ công nghệ ĐL-ĐK-TĐH” thuộc đề tài Nghị định thư “Hợp tác nghiên cứu phát triển tổ máy thủy điện nhỏ và hệ thống tự động hóa cho trạm thủy điện”	CN	HĐ số 06/2002/HĐ-QHQT, cấp Bộ	01/4/2004 đến 01/12/2004	14/3/2005 Xuất sắc

5	ĐT Nhánh “Nghiên cứu các giải pháp KHCN để xây dựng phần mềm giám sát và quản lý hệ thống thủy nông nhằm nâng cao mức độ chính xác trong việc tính toán lưu lượng, phân tích quản lý hệ thống SCADA” thuộc đề tài cấp Nhà nước “Nâng cao mức độ chính xác của việc áp dụng hệ thống SCADA để nâng cao hiệu quả quản lý công trình thủy lợi”	CN	HĐ số 17/2007/HĐ-NĐT, cấp Bộ	01/12/2007 đến 01/12/2008	08/12/2009 Khá
6	ĐT nhánh “Đánh giá tác động các công trình trên dòng chính đến môi trường nước trên sông Hương” thuộc đề tài cấp Nhà nước “Nghiên cứu đánh giá tác động của các công trình trên dòng chính và giải pháp quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước mặt trên lưu vực sông Hương”	CN	HĐ số 25/2008/HĐ-ĐTCT-KC.08/06-10, cấp Bộ	01/6/2008 đến 01/12/2009	15/7/2010 Khá

7	ĐT nhánh “Nghiên cứu cơ sở khoa học bộ công cụ hỗ trợ ra quyết định phục vụ quản lý tổng hợp lưu vực sông ở Việt Nam” thuộc đề tài Nghị định thư “Hợp tác nghiên cứu xây dựng công cụ hỗ trợ ra quyết định trong quản lý tổng hợp lưu vực sông Thạch Hãn, tỉnh Quảng Trị”	CN	HĐ số 17/2008/HĐ-NĐT, cấp Bộ	01/5/2009 đến 01/3/2010	02/4/2011 Xuất sắc
8	ĐT nhánh “Nghiên cứu thiết lập các kịch bản phát triển lưu vực sông Thạch Hãn năm 2015 và 2020” thuộc đề tài Nghị định thư “Hợp tác nghiên cứu xây dựng công cụ hỗ trợ ra quyết định trong quản lý tổng hợp lưu vực sông áp dụng cho lưu vực sông Thạch Hãn, tỉnh Quảng Trị	CN	HĐ số 17/2008/HĐ-NĐT, cấp Bộ	01/7/2009 đến 01/7/2010	10/6/2009 Xuất sắc
9	Nghiên cứu giải pháp thực hiện hợp tác quốc tế trong Khoa học công nghệ của Viện Khoa học Thủy lợi	CN	190/QĐ-VKHTL, cấp Cơ sở	19/02/2008 đến 31/12/2008	17/01/2009/Khá
Sau khi được công nhận chức danh PGS					

1	Nghiên cứu và xây dựng Hệ thống hỗ trợ ra quyết định (DSS) phục vụ công tác quản lý và khai thác các nguồn tài nguyên nước ở Việt Nam	CN	ĐTĐL.2010T/05, cấp Nhà nước	01/06/2010 đến 01/6/2013	14/3/2014/Khá
2	Nghiên cứu giải pháp tăng cường năng lực trong đào tạo/tập huấn áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp cho cán bộ và nông dân xã xây dựng nông thôn mới	CN	KHCN 2011-2015, cấp Nhà nước	01/11/2015 đến 01/12/2016	26/6/2017
3	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp cải thiện môi trường nước trên các sông trục chính và hệ thống công trình thủy lợi các tỉnh ven biển vùng Đồng bằng Bắc Bộ phục vụ phát triển nông nghiệp an toàn và cấp nước sinh hoạt.	CN	KC.08.22/16-20, cấp Nhà nước	01/6/2018 đến 01/12/2020	Đang thực hiện
4	Nghiên cứu dự báo, cảnh báo xâm nhập mặn phục vụ điều hành cấp nước và quản lý vận hành hệ thống thủy lợi lấy nước vùng hạ lưu đồng bằng sông Hồng	CN	20/HĐ-TCTL-KHCN, cấp Bộ	01/01/2016 đến 01/06/2018	13/12/2018

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi được công nhận chức danh PGS								
1	Nghiên cứu ứng dụng tuabin xung kích hai lần (XK2L) cho thủy điện nhỏ	2	Không	Tạp chí Kinh tế Nông nghiệp 0866-7020			Số 9, 16-17	1999
2	Quy trình đánh giá nhanh (RAP) và đề xuất kế hoạch hiện đại hoá các công trình thủy lợi	2	Có	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn/ISSN 0866-7020			Số 7, 611-613	2002
3	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số thông số thiết kế tới hiệu suất tuabin xung kích 2 lần (XK2L)	2	Có	Tuyển tập công trình Cơ học thủy khí-Hội nghị khoa học cơ học thủy khí toàn quốc năm 2003 - Hội Cơ Thủy khí-Hội Cơ học Việt Nam			, 396-406	2003

4	Nghiên cứu buồng hút tuabin xung kích hai lần (XK2L)	1	Có	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn ISSN0806- 7020			Số 9, 1240- 1242	2004
5	Ứng dụng phần mềm ANSYS và MATLAB để tính toán bền cánh tua bin xung kích hai lần (XK2L)	1	Có	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn ISSN0806- 7020			Số 9, 1245- 1248	2004
6	Hiện đại hóa hệ thống thủy nông, khái niệm và các bước thực hiện	4	Có	Tạp chí Khoa học công nghệ Thủy lợi ISSN1859- 4255			Số 2, 38-41	2004
7	Đề xuất xây dựng lộ trình hiện đại hoá các hệ thống thủy nông ở Việt Nam đến 2020	5	Không	Tạp chí Khoa học công nghệ Thủy lợi ISSN1859- 4255			Số 3, 7- 9	2006

8	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống chỉ tiêu tổng hợp đánh giá nhanh hiện trạng (cơ sở hạ tầng, quản lý vận hành) và hiệu quả KT-XH công trình thủy lợi phục vụ nâng cấp, hiện đại hóa và đa dạng hóa mục tiêu phục vụ	1	Có	Tuyển tập Báo cáo tổng kết Chương trình "Nâng cấp, từng bước hiện đại hóa, đa dạng hóa mục tiêu khai thác sử dụng các công trình thủy lợi			, 392-397	2006
9	Tác dụng của bộ công cụ hỗ trợ trong công tác quản lý lưu vực sông	3	Không	Tạp chí Khoa học công nghệ Thủy lợi			Số 17, 2-4	2008
10	Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi và sự tham gia của người dân trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi (PIM)	1	Có	Tạp chí Khoa học công nghệ Thủy lợi			Số 18, 25-30	2008
11	Nghiên cứu xây dựng bộ công cụ trợ trợ ra quyết định cho quản lý tổng hợp lưu vực sông Thạch Hãn tỉnh Quảng Trị	4	Có	Tuyển tập Khoa học công nghệ 50 năm xây dựng và phát triển, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam			, 411-417	2009

12	MASSCOTE - Một phương pháp mới xây dựng kế hoạch hiện đại hóa quản lý hệ thống thủy lợi.	4	Có	Tuyển tập Khoa học công nghệ 50 năm xây dựng và phát triển, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam			, 418- 426	2009
13	Hệ thống xử lý nước thải phân tán DEWATS	4	Có	Tuyển tập Khoa học công nghệ 50 năm xây dựng và phát triển, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam			, 427- 434	2009
14	Flood risk assessment for the Thach Han River Basin, Quang Tri Province, Vietnam	4	Không	Global Change: Facing Risks and Threats to Water Resources, World Friend lần thứ 6, tại Morocco, 25- 29/10/2010 ISBN 978-1- 907161-13-1 IAHS Publ.	IAHS Publiccation - Scopus	7	Số 340, 179- 188	2010

15	Ảnh hưởng của các dự án phát triển thủy lợi tới chế độ thủy văn: trường hợp tại đồng bằng Vu Gia-Thu Bồn	1	Có	Tạp chí Khoa học kỹ thuật thủy lợi và môi trường ISSN 18593941			Số 33, 14-18	2011
16	Đánh giá và quản lý lũ sông Thạch Hãn	1	Có	Tạp chí Hoạt động khoa học ISSN 0866-7152			, 45-49	2011
17	Vận hành hệ thống hồ chứa và vấn đề chia sẻ nguồn nước	1	Có	Tạp chí Người xây dựng ISSN 0866 8531			Số 236, 20-24	2011
Sau khi được công nhận chức danh PGS								
18	Hệ thống hỗ trợ ra quyết định (DSS) – Giải pháp hỗ trợ công tác quản lý, khai thác tài nguyên nước và phát triển kinh tế xã hội lưu vực sông	3	Có	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi ISSN1859-4255			Số 14, 19-26	2013
19	Giới thiệu một số phương pháp tính mưa lớn nhất khả năng PMP	4	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi ISSN1859-4255			Số 14, 37-42	2013

20	A water productive and economically profitable paddy rice production method to adapt water scarcity in the Vu Gia-Thu Bon river basin, Vietnam	4	Không	Journal of Natural Resources and Development ISSN 0719-2452	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	7	Số 310.05, 58-65	2013
21	Nghiên cứu tính toán xâm nhập mặn trên hệ thống sông Vu Gia – Thu Bồn có xét tới ảnh hưởng của biến đổi khí hậu	3	Có	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi ISSN 1859-4255			Số 18, 33-40	2013
22	Tác động của các công trình hồ, đập đối với dòng chảy trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn	4	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi ISSN 1859-4255			Số 19, 24-31	2013
23	Kết quả nghiên cứu tính toán mưa lớn nhất khả năng (PMP) cho lưu sông Vu Gia - Thu Bồn	5	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi ISSN 1859-4255			Số 19, 51-58	2013
24	DEWATS dissemination in Vietnam: Achievement and Lesson learnt, 2014.	3	Có	WEDC International Conference, Hanoi,			Số 37, 1-5	2014

25	Ứng dụng hàm xác suất thống kê GEV tính toán lượng mưa lớn nhất khả năng PMP cho lưu vực Vu Gia-Thu Bồn	3	Không	Tuyển tập báo cáo Hội Thảo Quốc tế INWEPF ISBN: 978-604-59-2333-7			, 73-82	2014
26	Đánh giá hoạt động và xây dựng lộ trình hiện đại hóa hệ thống tưới Phú Ninh bằng phương pháp MASSCOTE	2	Có	Tuyển tập báo cáo Hội Thảo Quốc tế INWEPF ISBN: 978-604-59-2333-7			, 107-116	2014
27	Khả năng ứng dụng của mô hình mưa-dòng chảy	4	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi			số 22, 67-71	2014
28	Development of Benchmarking System for Irrigation management in VietNam	2	Có	Kỷ yếu INWEPF International workshop in Korea			, 177-207	2016
29	Ứng dụng mô hình toán xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn	4	Không	Tuyển tập Hội nghị Khoa học thường niên năm 2016 ISBN: 978-604-82-1980-2			, 546-548	2016

30	Nghiên cứu thiết lập bài toán phân bổ nguồn nước hợp lý hệ thống hồ chứa đáp ứng nhu cầu sử dụng nước lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn trong mùa cạn	3	Không	Tuyển tập hội nghị khoa học thường niên 11/2016 – Đại học Thủy lợi ISBN: 978-604-82-1980-2			, 498-500	2016
31	Đánh giá hiện trạng, một số khuyến nghị trong chính sách và đào tạo chuyển giao áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp.	3	Có	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi ISSN 1859-4255			Số 36, 128-136	2016
32	Nghiên cứu xây dựng khung quản lý hạn hán tổng hợp phục vụ sản xuất nông nghiệp.	2	Có	Tạp chí Tài nguyên nước - Hội thủy lợi Việt Nam ISSN1859 - 3771			Số 1, 21-32	2016
33	Assessment of climate change impact on River flow regimes in The Red-River Delta, Vietnam - A case study of the Nhue-Day River Basin	4	Không	Journal of Natural Resources and Development ISSN 0719 - 2452	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		610.09, 81-91	2017

34	Development of an integrated drought management framework for south central and highland of Vietnam under the context of climate change. Water Security in Asia - Opportunities and Challenges in the Context of Climate Change.	2	Có	Water Security in Asia - Opportunities and Challenges in the Context of Climate Change	Springer International Publishing - Scopus		, 8.2/1-10	2017
35	Performance Assessment of Irrigation Schemes and Water Pollution Issues Raised in the Red River, Vietnam.	4	Không	International Journal of Environmental Protection and Policy, 2017. ISSN: 2330-7528 (Print; ISSN: 2330-7536 (Online).	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		1 , volume 6, 6(1): 1-8	2018
36	Đào tạo ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp.	4	Có	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi ISSN1859-4255			Số 37, 3-12	2017

37	Nghiên cứu mô phỏng chuỗi dòng chảy ngẫu nhiên đến hồ chứa đảm bảo tính đồng bộ thủy văn hệ thống sông Vu Gia – Thu Bồn	3	Không	Tuyển tập hội nghị khoa học thường niên 2017 - Đại học Thủy lợi ISBN: 978-604-82-2274-1			, 551-553	2017
38	Nghiên cứu xây dựng mô hình tối ưu phát điện, cấp nước các hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn trong mùa cạn	3	Không	Tuyển tập Hội nghị khoa học Thủy lợi toàn quốc 2017			, 89-91	2017
39	Nghiên cứu tạo chuỗi số liệu dòng chảy với mô phỏng Monte Carlo phục vụ bài toán phân bổ hợp lý nguồn nước lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn	4	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ Thủy lợi ISSN: 1859-4255-02-2018			Số 37, 40-47	2017
40	Research on contribution ratio of large upstream reservoirs for minimum flow in Vu Gia – Thu Bon river system	4	Không	International Symposium on Lowland Technology 2018 ISBN,978-604-82-2483/7			, 164	2018

41	Predicting the Capacity of Receiving Wastewater of Thuong River in Vietnam and Propose Policies for Water Resources Protection,	4	Không	International Journal of Environmental Monitoring and Analysis	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		Volume 6 , 1-12	2018
42	Viện khoa học Thủy lợi Việt Nam với công tác đào tạo nguồn nhân lực Thủy lợi và phòng chống thiên tai	5	Có	Tuyển tập Khoa học công nghệ năm 2018			, 170-175	2018
43	Đánh giá xâm nhập mặn phục vụ cấp nước sản xuất nông nghiệp vụ Đông Xuân vùng ven biển đồng bằng sông Hồng dưới tác động của biến đổi khí hậu.	3	Có	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi			Số 44, 2-11	2018
44	Khoa học công nghệ quản lý hạn hán vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.	3	Có	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi.			50, 19-27	2018

45	Nghiên cứu xây dựng hệ thống hỗ trợ quản lý và vận hành kiểm soát mặn cho lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn.	6	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi			Số 50, 28-37	2018
46	Tưới tiết kiệm nước kết hợp canh tác tiên tiến – Giải pháp hiệu quả cho cây trồng chủ lực vùng khan hiếm nước trong điều kiện biến đổi khí hậu.	3	Có	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi			Số 50, 51-59	2018
47	Development of a Novel Hybrid Intelligence Approach for Landslide Spatial Prediction	15	Có	Applied Sciences	Applied Sciences - Scopus IF: 2287	23	Volume 9, Issue 14, 2824	2019
48	Ứng dụng phần mềm MIKE OPERATION vào hệ thống hỗ trợ ra quyết định phục vụ phòng chống hạn hán tại tỉnh Ninh Thuận	1	Có	Tạp chí Tài nguyên nước - Hội Thủy lợi Việt nam ISSN1859 - 3771			Số 3, 49	2019

49	Improvement of Credal Decision Trees Using Ensemble Frameworks for Groundwater Potential Modeling	10	Có	Improvement of Credal Decision Trees Using Ensemble Frameworks for Groundwater Potential Modeling	Improvement of Credal Decision Trees Using Ensemble Frameworks for Groundwater Potential Modeling - Scopus IF: 2.592	3	Volume 12 , Issue 7, 2622	2020
50	Groundwater Potential Mapping Combining Artificial Neural Network and Real AdaBoost. Ensemble Technique: The DakNong Province Case-Study, VietNam	9	Có	International Journal of Environmental Research and Public Health	International Journal of Environmental Research and Public Health - Scopus IF: 2.468	2	Volume 17 , Issue 7, 2473	2020
51	Soft Computing Ensemble Models Based on Logistic Regression for Groundwater Potential Mapping	13	Có	Applied sciences	Applied sciences - Scopus IF: 2.217	4	Volume 10 , Issue 7, 2469	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UỶ là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 5

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS. 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Trước khi được công nhận chức danh PGS					
1	Bơm va	Cục Sở hữu trí tuệ	10/02/2004	Đồng tác giả	4

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
Trước khi được công nhận chức danh PGS				
1	Giải thưởng sáng tạo Khoa học - Công nghệ Việt Nam (VIFOTEC), năm 2002	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam	94/QĐ-LHH ngày 21/02/2003	11
Sau khi được công nhận chức danh PGS				
2	Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4264/QĐ-BNN-TCCB ngày 30/10/2018	6

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 2

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò	Cơ sở giáo dục đại học
----	--	---------	------------------------

1	Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Kỹ thuật tài nguyên nước của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam	Chủ trì	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam
2	Xây dựng và điều phối chương trình liên kết đào tạo Thạc sĩ giữa Viện Khoa học Thủy lợi Việt nam và Trường Đại học khoa học Ứng dụng Cologne - TH Köln, Viện Quản lý công nghệ Nhiệt đới và cận nhiệt đới (ITT), CHLB Đức tại Việt nam-) Quản lý tài nguyên và	Tham gia	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.
3	Xây dựng phát triển chương trình liên kết đào tạo Thạc sĩ về quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu	Tham gia	Trường Đại học Thủy lợi
4	Tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới về Công nghệ xử lý nước thải phân tán DEWATS	Chủ trì	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam
5	Hệ thống thông tin quản lý hạn hán	Chủ trì	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam
6	Hệ thống giám sát và dự báo mặn phục vụ điều hành cấp nước vùng hạ du đồng bằng sông Hồng	Chủ trì	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam
7	Mẫu 02_Xác nhận đào tạo và nghiên cứu khoa học	Chủ trì	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (U'V chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (U'V chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☒; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: 1.

Hiện đại hóa vận hành hệ thống kênh tưới; 2. Quản lý hạn hán tổng hợp vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2020

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)